

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 26/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Võ Văn S, sinh năm 1985.

2. Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Số A tổ A, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của anh S, chị T1 là bà Nguyễn Thị N (Văn bản ủy quyền ngày 11/3/2024).

3. Anh Phạm Duy T2, sinh năm 1990.

4. Chị Tống Thị N1, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành 26 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị N thoả thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có hai con chung là Phạm Thị T1, sinh năm 1989 và Phạm Duy T2, sinh năm 1990; các con đều đã thành niên và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị N tự thoả thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận vào trong quyết định cụ thể như sau:

*** Về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.**

1. Đối với nhà và đất tại thửa đất số 365, tờ bản đồ số 41; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Lô đất có diện tích 1.596m². Trong đó có 250m² đất ở tại nông thôn và 1346m² đất trồng cây hàng năm khác. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 626660 cấp ngày ngày 26 tháng 7 năm 2023 mang tên ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị N.

- Chia cho bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng diện tích đất 792,7m². Trong đó có 250m² đất ở tại nông thôn và 542,7m² đất trồng cây hàng năm khác, có vị trí tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất ông Phạm Văn T (sau khi được chia) dài 37,5m.
- + Phía Tây giáp đường liên thôn rộng 5m dài 37,0m.
- + Phía Nam giáp thửa đất số 13, 18 tờ bản đồ 45 dài 22,6m.
- + Phía Bắc giáp đường liên thôn rộng 6m dài 20,0m.

Và được quyền sở hữu toàn bộ công trình xây dựng trên diện tích đất được chia gồm: 01 căn nhà cấp 4 có tổng diện tích 85,90m², 01 mái vòm có diện tích 20,47m²; 01 nhà máy xay sát gạo có diện tích 42,4m² cùng với hệ thống máy xay sát lúa gồm 01 máy bóc tách, 01 máy chà bóng, 01 máy lọc sạn, 01 máy nghiền, 01 mô tơ 07Kw, 01 mô tơ 15Kw và toàn bộ cây trồng trên đất.

- Chia cho ông Phạm Văn T được quyền sử dụng diện tích đất 803,3m² đất trồng cây hàng năm khác, đất có vị trí tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất số 367 dài 38,3m.
- + Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị N (sau khi được chia) dài 37,5m.
- + Phía Nam giáp thửa đất số 13, 18 tờ bản đồ 45 dài 22,6m.
- + Phía Bắc giáp đường liên thôn rộng 6m dài 20,0m.

Và được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng có trên diện tích đất được chia nói trên.

2. Chia cho bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 456, tờ bản đồ số 42; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Lô đất có diện tích 780m². Trong đó có 250m² đất ở tại nông thôn và 530m² đất trồng cây hàng năm khác. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 626659, cấp ngày ngày 26 tháng 7 năm 2023 mang tên ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị N.

3. Chia cho ông Phạm Văn T được quyền sở hữu 531 cây cà phê được trồng trên các thửa đất số 453, 454, 455 thuộc tờ bản đồ số 42 và được quyền sử dụng các thửa đất số 453, 454, 455 thuộc tờ bản đồ số 42; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị N được quyền đến các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa đất và đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật đối với phần tài sản là quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất được chia nói trên.

*** Về những tài sản khác.**

- Ông Phạm Văn T được quyền sở hữu 01 xe mô tô Biển số 82H1-11980 và toàn bộ số tiền mặt có tranh chấp còn lại.

- Bà Nguyễn Thị N được quyền sở hữu 01 xe mô tô Biển số 82H1-12509; 01 con trâu khoảng 10 năm tuổi và toàn bộ số tiền mặt có tranh chấp còn lại. Sau khi ly hôn các bên không ai được tranh chấp đối với số tiền mặt còn lại.

Ông Phạm Văn T có trách nhiệm giao lại cho bà Nguyễn Thị N một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy đối với xe mô tô Biển số 82H1-12509 để bà Nguyễn Thị N liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên trên giấy đăng ký xe.

- *Về chi phí tố tụng:* Căn cứ Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết 3.200.000 đồng ông Phạm Văn T đã tạm ứng nay mỗi người chịu ½. Vì vậy, bà Nguyễn Thị N trả lại cho ông Phạm Văn T 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ khoản 3 Điều 144; các khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

v+ Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

+ Ông Phạm Văn T chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được miễn vì lý do là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

+ Bà Nguyễn Thị N chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 8.010.000 đồng (*Tám triệu không trăm mười nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001331 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N 7.935.000 đồng (*Bảy triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nói trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- Các đương sự;
- UBND TT Đắk Hà, huyện Đắk Hà;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Tiến